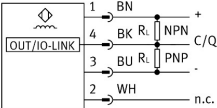
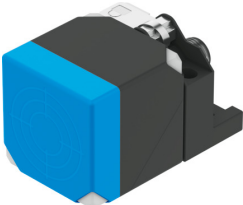


Công tắc tiệm cận SOIA-Q40NB-PNŁK-M12

Số bộ phận: 8161210



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Thiết kế	vuông
Tuân theo tiêu chuẩn	EN 60947-5-2
Giấy phép	c UL us - Listed (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Kích thước đo	Vị trí Khoảng cách
Nguyên tắc đo lường	cảm ứng
Phương pháp đo lường	cảm biến khoảng cách
Khoảng cách chuyển đổi định mức	0 mm...30 mm
Lưu ý về khoảng cách chuyển đổi định mức	SSC1.SP1: 20,5 mm SSC2.SP1: 15,0 mm Cài đặt gốc
Dải đo quăng đường	0 mm...30 mm
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-25 °C...70 °C
Độ phân giải đường	0.01 mm
Độ chính xác lặp lại	±,3 mm
Độ lệch nhiệt độ	±10%
Đầu ra chuyển mạch	PNP/NPN có thể chuyển đổi Push-Pull
Chức năng phần tử chuyển mạch	có thể hoán đổi
Lưu ý về độ trễ	Cài đặt gốc: 5%FS
Độ trễ	1 %FS...20 %FS
Lỗi tuyến tính FS	3 %
Thời gian bật	100 ms
Phạm vi đo tốc độ	1 mm/s...3000 mm/s
Độ chính xác tốc độ	+/- 20 %FS
Độ chính xác lặp lại tốc độ	+/-5 %FS
Phạm vi giá trị gia tốc	-3270 m/s²...3270 m/s²
Tần số chuyển mạch tối đa	250 Hz

Đặc tính	Giá trị
Dòng điện đầu ra tối đa	100 mA
Sụt áp	1 V
Mạch bảo vệ cảm ứng	được lắp
Dòng điện tải tối thiểu	0 mA
dòng điện dư	0.03 mA
Chống chịu ngắn mạch	theo chu kỳ
Khả năng chống quá tải	có sẵn
Giao thức	Kết nối IO-Link
IO-Link, ID sửa đổi	V1.1
IO-Link, biên dạng thiết bị	Phát hiện đối tượng chức năng Chức năng URI sản phẩm Chức năng chỉ dạy hai giá trị Nhận dạng và chẩn đoán Cảm biến thông minh - SSP 4.1.1
IO-Link, tốc độ truyền	COM2
IO-Link, hỗ trợ chế độ SIO	Có
IO-Link, loại cổng	Class A
IO-Link, độ dài dữ liệu quy trình đầu vào	32 bit
IO-Link, nội dung dữ liệu quá trình IN	Đo khoảng cách 16 bit MDC Giám sát khoảng cách SSC 2 bit Cảnh báo bảo trì 1 bit DSC Chẩn đoán chuyển động DSC 2 bit
IO-Link, nội dung dữ liệu dịch vụ IN	Gia tốc trung bình 32 bit Phạm vi tăng tốc 32 bit Giá trị gia tốc 16 bit Màn hình bảo trì thời gian hoạt động 32 bit Đo lường màn hình bảo trì 96 bit Màn hình bảo trì nhiệt độ 64 bit Chẩn đoán bảo trì 7 bit Màn hình bảo trì SSC 64 bit Vận tốc 1 trung bình 32 bit Vận tốc 1 giá trị 16 bit Phạm vi giá trị vận tốc 1 32 bit Vận tốc 2 trung bình 32 bit Vận tốc 2 giá trị 16 bit Phạm vi giá trị vận tốc 2 32 bit
IO-Link, thời gian chu kỳ tối thiểu	3.2 ms
IO-Link, yêu cầu bộ nhớ dữ liệu	308 byte
Dải điện áp hoạt động DC	10 V...30 V
Dao động	20 %
Dòng điện chạy không tải	22 mA
Chống phân cực	có
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	4
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít không thể xoay được
Kích thước	Q40
Mô men xoắn siết	0 N m...30 N m
Loại cài đặt	không khí
trọng lượng sản phẩm	145 g
nhà màu	màu xanh dương màu đen
Vật liệu vỏ	PA
chất liệu ngoài	90 mm x 90 mm x 1 mm Kết cấu thép, 1.0037, S235JR
Chỉ báo sẵn sàng	LED xanh lá
Hiển thị trạng thái chuyển mạch	Đèn LED màu vàng
Nhiệt độ bảo quản	-40 °C...85 °C

Đặc tính	Giá trị
Mức độ bảo vệ	IP65 IP67
Miễn nhiễm với từ trường	< 50 μ T
điện áp cách điện	30 V
Độ chịu điện áp xung	0.5 KV
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L